

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 46/2021/HSST
Ngày 05/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Trần Xuân Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 05/ 3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/HSST ngày 02/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HS ngày 17/02/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn N**, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1993.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm Đ.C, xã C.N, huyện Đ.T, tỉnh TN. Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ học vấn: 12/12. Con ông Hoàng Đình T, sinh năm 1965, con bà Vũ Thị D, sinh năm 1968. Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba. Bị cáo chưa có vợ

- Tiền án: Tại Bản án số 51/2019/HSST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt Hoàng Văn N 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2020.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21158/QĐXPVPHC ngày 21/11/2016 của Công an thành phố TN, xử phạt Hoàng Văn N 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp phạt ngày 21/11/2016.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/11/2020 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa);

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1963, trú tại tổ 02, phường T, thành phố TN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1985, trú tại tổ 10, phường G.S, thành phố TN. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa N1 dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 20/11/2020, Hoàng Văn N đi lang thang tại khu vực đường tròn Đ, thành phố TN mục đích xem có người dân nào sơ hở tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Khi đi đến trước cửa quán cơm M thuộc tổ 02, phường Đ, thành phố TN thì N nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn đen – bạc, BKS: 20B1-437.93 (sau xác định là xe của bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1963, trú tại: tổ 02, phường T, thành phố TN), đầu xe quay vào quán cơm, đuôi xe quay ra phía đường Lương Ngọc Quyến, thành phố TN, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe. N quan sát thấy không có ai trông coi, quản lý chiếc xe nên N liền tiến đến vị trí chiếc xe và ngồi lên xe, mở khóa điện rồi nổ máy điều khiển chiếc xe bỏ đi. N điều khiển chiếc xe vừa chiếm đoạt được đến 01 quầy cho thuê ô tô, xe máy tại tổ 02, phường Th, thành phố TN do anh Nguyễn Minh T1 (sinh năm 1985, trú tại: tổ 10, phường G.S, thành phố TN) làm chủ và hỏi bán chiếc xe trên cho anh T1. Anh T1 kiểm tra xe thì thấy trong cốp xe có giấy phép lái xe, đăng ký xe của bà Nguyễn Thị Hồng N1 nên anh T1 hỏi N thì N nói là xe do N trộm cắp có được. Sau đó, anh Nguyễn Minh T1 đã báo Công an phường Th, thành phố TN giải quyết và lập biên bản sự việc.

Cùng ngày, sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Nguyễn Thị Hồng N1 đã làm đơn trình báo Công an phường Đ, thành phố TN đề nghị giải quyết.

Tại Kết luận số 292/HĐĐGTS ngày 21/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TN kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, đã qua sử dụng BKS: 20B1-437.93, số khung: 1217DY085917, số máy: HC12E5086154 còn hoạt động bình thường có giá trị là 5.000.0000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của N phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại là bà Nguyễn Thị Hồng N1 và các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, đã qua sử dụng BKS 20B1-437.93, số khung 1217DY085917, số máy HC12E5086154; 01 giấy phép lái xe và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Hồng N1. Các tài sản trên được trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N1 là chủ sở hữu quản lý sử dụng, bà N1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn N.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSNDTPTN ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố Hoàng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là "Tái phạm". Đề xuất xử phạt Hoàng Văn N từ 18 đến 24 tháng tù, không phạt bổ sung đối với bị cáo

- Phần dân sự: Bà Nguyễn Thị Hồng N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Phần dân sự đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, đã qua sử dụng BKS 20B1-437.93; 01 giấy phép lái xe và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Hồng N1. Hiện các tài sản trên được trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N1 là chủ sở hữu quản lý sử dụng

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn N.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ ngân sách nhà nước;

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N1 dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như N1 dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, Kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 6 giờ ngày 20/11/2020, tại tổ 2 phường Đ, thành phố TN, Hoàng Văn N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20B1-437.93 có giá trị 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hồng N1, toàn bộ tài sản trên đã trả lại cho bà N1 là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ có giá trị là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

N1 dung điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21158/QĐXPVPHC Ngày 21/11/2016 của Công an thành phố TN, xử phạt Hoàng Văn N 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp phạt ngày 21/11/2016.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 51/2019/HSST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt Hoàng Văn N 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2020 lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng tách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Từ những N1 dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo đã từng bị xét xử bằng bản án, bị xử phạt hành chính 01 lần nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng đạo đức bản thân, ham chơi, lười lao động, thích hưởng thụ, hám lời bất chính, tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật nên cần có hình phạt tương xứng với tội trạng của bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô BKS 20B1-437.93; 01 giấy phép lái xe và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị Hồng N1, bà N1 đã nhận lại toàn bộ tài sản trên.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn N là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Hồng N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; phần dân sự đã giải quyết xong.

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí:

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo. Tuy nhiên tại quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bồi các lễ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Hoàng Văn N 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 091840649 mang tên Hoàng Văn N, do Công an

tỉnh TN cấp ngày 17/4/2010. Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN theo tình trạng biên bản giao nhận vật chứng số 182 ngày 02/02/2021

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo; người bị hại.
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

